

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2021**



**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đoàn Hải Chiến	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Khương Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Hồng	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Luân	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Hào	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29 tháng 04 năm 2021)
Ông Đỗ Đức Mạnh	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Xuân Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Sỹ Long	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2021)
Ông Khương Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2021)
Ông Bùi Quế Lâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 06 tháng 04 năm 2021) (miễn nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2021)
Ông Nguyễn Khả Lộc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 12 tháng 05 năm 2021) (miễn nhiệm ngày 01 tháng 08 năm 2021)

#### Ban Kiểm soát

Ông Đỗ Anh Thái	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Tuyên	Thành viên
Bà Hà Thị Hải Yến	Thành viên

#### Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Xuân Hồng - Tổng Giám đốc.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2

Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa, Tỉnh Lào Cai

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Xuân Hồng**  
**Tổng Giám đốc**

Lào Cai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

Số: 100601/2021/BCSX-iCPA

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 10 năm 2021, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận lãi phải trả từ năm 2019 đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2021 đối với khoản vay và nợ ngắn hạn (15.000.000.000 đồng) và khoản phải trả người bán ngắn hạn (1.183.397.247 đồng) của Tổng Công ty Sông Đà. Với tài liệu hiện có, chúng tôi chưa xác định được cụ thể số lãi vay phát sinh của Công ty tương ứng với các khoản công nợ nêu trên.

Công ty đang theo dõi trên tài khoản Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên với số tiền 4.000.000.000 đồng. Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không đủ bằng chứng để đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của khoản đầu tư này. Đồng thời, Công ty cũng chưa trích lập bổ sung dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của khoản đầu tư trên với số tiền 1.680.590.623 đồng. Theo đó, chỉ tiêu "Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước" trên Bảng cân đối kế toán sẽ tăng - giảm với số tiền tương ứng là 1.680.590.623 đồng.

Tại thời điểm lập báo cáo soát xét, chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản công nợ phải trả người bán ngắn hạn, trả trước người bán ngắn hạn và các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 với số tiền lần lượt là 26.908.674.049 đồng, 4.016.607.628 đồng và 33.043.867.794 đồng. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và tính đầy đủ của các khoản mục công nợ nêu trên.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo về các vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số V.10, Cục thuế tỉnh Lào Cai đã có Biên bản làm việc với Công ty về các khoản truy thu liên quan đến thuế GTGT của Dự án Thủy điện Nậm Cùn. Theo đó, Cục thuế sẽ tiếp tục có báo cáo đề xuất không truy thu thuế GTGT đối với dự án Thủy điện Nậm Cùn số tiền 4.938.235.141 đồng và xin ý kiến hướng dẫn chỉ đạo của Tổng cục thuế về vấn đề này. Tuy nhiên cho đến nay, Tổng cục thuế vẫn chưa có văn bản trả lời. Do đó, khoản tiền thuế GTGT bị truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp liên quan đến Dự án thủy điện Nậm Cùn mà Công ty phải nộp sẽ phụ thuộc vào kết luận cuối cùng của Tổng cục thuế.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.19, vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 01/07/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai là 420.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, vốn thực tế góp của các cổ đông đến thời điểm 30/06/2021 là 152.460.000.000 đồng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.4, Công ty cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân – cổ đông của Công ty vay với số tiền 11.500.000.000 đồng.

Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021 được lập trên giả định Công ty hoạt động liên tục. Trên Báo cáo tài chính của Công ty, lỗ lũy kế tính đến thời điểm 30/06/2021 là 251.228.663.454 đồng, vốn chủ sở hữu của Công ty là (100.523.610.599) đồng, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn là 420.693.327.618 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Theo đó, khả năng hoạt động của Công ty phụ thuộc vào việc có lãi trong tương lai, sự hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và sự cơ cấu lại nợ của ngân hàng để đảm bảo cho Công ty có đủ nguồn lực tiếp tục hoạt động bình thường trong các năm tiếp theo.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh trên.



**Trần Thiện Thanh**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 1932-2018-072-1  
Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA)**

Hà Nội, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.473.008.530</b>	<b>66.531.329.694</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.142.193.111</b>	<b>23.510.844.817</b>
1. Tiền	111		16.142.193.111	22.410.844.817
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.100.000.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.882.548.932</b>	<b>42.820.229.120</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	32.773.080.621	27.563.267.713
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	4.416.536.828	4.569.897.564
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	12.620.000.000	9.120.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	21.597.619.625	19.091.751.985
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.9	(17.524.688.142)	(17.524.688.142)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.6</b>	<b>46.502.500</b>	<b>46.502.500</b>
1. Hàng tồn kho	141		46.502.500	46.502.500
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>401.763.987</b>	<b>153.753.257</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	401.763.987	153.753.257
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>697.592.287.159</b>	<b>724.019.464.052</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>49.815.000</b>	<b>49.815.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	49.815.000	49.815.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>681.973.701.585</b>	<b>709.229.622.784</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	681.973.701.585	709.229.622.784
- Nguyên giá	222		1.158.635.865.864	1.158.555.865.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(476.662.164.279)	(449.326.243.080)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>2.076.302.400</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	2.076.302.400
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.220.590.623</b>	<b>3.220.590.623</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	4.000.000.000	4.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(1.069.409.377)	(1.069.409.377)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.8	290.000.000	290.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.348.179.951</b>	<b>9.443.133.245</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	12.348.179.951	9.443.133.245
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>768.065.295.689</b>	<b>790.550.793.746</b>


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>868.588.906.288</b>	<b>892.716.807.049</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>491.166.336.148</b>	<b>504.194.236.909</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	60.533.984.471	63.825.911.393
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	5.410.513.464	11.941.784.129
3. Phải trả người lao động	314		1.374.517.441	2.614.583.764
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	382.202.173.854	384.281.730.377
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15a	951.374.206	1.902.748.414
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	7.649.904.918	6.583.611.038
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	33.043.867.794	33.043.867.794
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>377.422.570.140</b>	<b>388.522.570.140</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15b	19.027.484.140	19.027.484.140
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1.250.000.000	1.250.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	357.145.086.000	368.245.086.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(100.523.610.599)</b>	<b>(102.166.013.303)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>(100.523.610.599)</b>	<b>(102.166.013.303)</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		152.460.000.000	152.460.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		152.460.000.000	152.460.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(241.927.095)	(241.725.621)
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.513.020.050)	(1.513.020.050)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(251.228.663.454)	(252.871.267.632)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(252.871.267.632)	(288.650.458.157)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.642.604.178	35.779.190.525
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>768.065.295.689</b>	<b>790.550.793.746</b>

  
Bùi Lan Hương  
Người lập

Lào Cai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

  
Kim Văn Sỹ  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Xuân Hồng  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		64.950.860.688	91.954.393.175
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>64.950.860.688</b>	<b>91.954.393.175</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	41.795.870.568	42.046.760.581
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>23.154.990.120</b>	<b>49.907.632.594</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	751.433.075	401.657.095
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18.334.100.157	23.120.700.712
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.334.100.157	23.120.700.712
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.638.956.359	3.845.204.137
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>1.933.366.679</b>	<b>23.343.384.840</b>
11. Thu nhập khác	31		-	390.457.037
12. Chi phí khác	32	VI.6	65.299.895	199.191.045
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(65.299.895)</b>	<b>191.265.992</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>1.868.066.784</b>	<b>23.534.650.832</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	225.462.606	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.642.604.178</b>	<b>23.534.650.832</b>
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	109	1.561
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	109	1.561

*[Signature]*

*[Signature]*



**Bùi Lan Hương**  
Người lập  
Lào Cai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**Kim Văn Sỹ**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Xuân Hồng**  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>1.868.066.784</b>	<b>23.534.650.832</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	27.335.921.199	27.199.017.262
Các khoản dự phòng	03	-	891.889.479
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(751.433.075)	(401.657.095)
Chi phí lãi vay	06	18.334.100.157	23.120.700.712
<b>2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>08</b>	<b>46.786.655.065</b>	<b>74.344.601.190</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(6.851.884.812)	(22.062.581.997)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	-	(46.502.500)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(17.125.842.899)	(6.067.400.480)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(3.153.057.436)	(2.718.112.721)
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.165.000.000)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.220.519.699)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>7.270.350.219</b>	<b>43.450.003.492</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(80.000.000)	(61.530.000)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(21.000.000.000)	(700.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	17.500.000.000	2.000.000.000
4. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	40.998.075	13.643.207
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(3.539.001.925)</b>	<b>1.252.113.207</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.100.000.000)	(34.906.414.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(11.100.000.000)</b>	<b>(34.906.414.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(7.368.651.706)</b>	<b>9.795.702.699</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>23.510.844.817</b>	<b>14.505.518.861</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>16.142.193.111</b>	<b>24.301.221.560</b>

*[Signature]*

*[Signature]*



**Bùi Lan Hương**  
Người lập

Lào Cai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**Kim Văn Sỹ**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Xuân Hồng**  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 (trước đây là Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên) (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 1203000045 ngày 09/03/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 cấp ngày 01/07/2020.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 595/QĐ-SGDHN ngày 21/09/2016 với mã chứng khoán là SP2.

Vốn điều lệ: 420.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 152.460.000.000 đồng

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 48 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 40 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Tư vấn giám sát xây dựng và lắp đặt thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Lập quy hoạch tổng thể và quy hoạch chi tiết các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Khảo sát địa hình, địa chất công trình và địa chất thủy văn công trình;
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Thiết kế các công trình thủy công, thủy lợi, thủy điện, nhà máy thủy điện;
- Thiết kế các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp, thoát nước, cơ điện công trình;
- Thẩm định thiết kế và tổng dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, công trình giao thông, các công trình kỹ thuật đô thị;
- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu xây lắp, hồ sơ mời thầu thiết bị các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị;
- Đầu tư xây lắp các công trình thủy điện vừa và nhỏ, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm, xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình điện; kinh doanh bất động sản, kinh doanh dịch vụ du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và văn phòng cho thuê;
- Lắp đặt cấu kiện bê tông, kết cấu thép, các thiết bị điện nước; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng;
- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; và
- Thi công xây lắp đường dây và trạm biến áp 110KV; sửa chữa các thiết bị điện và gia công cơ khí; hướng dẫn đào tạo công nhân vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, thi công lắp đặt hệ thống điện nước, thông tin.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán điện thương phẩm.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 cụ thể như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	Bản Dền, xã Bản Hồ, thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai	40%	40%	Xây dựng nhà các loại

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 18
Phương tiện vận tải	05 - 18
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Đầu tư vào công ty liên kết (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2 có doanh thu hoạt động của dự án hưởng ưu đãi từ năm 2012. Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 12121000147 lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2009 và thay đổi lần thứ 2 ngày 21 tháng 12 năm 2011, Công ty có dự án Thủy điện Sử Pán 2. Mục tiêu để sản xuất điện hòa vào lưới điện quốc gia, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát điện lên lưới điện Quốc gia.

Theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mới thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 04 dự án mới phát sinh doanh thu. Do đó căn cứ vào các quy định trên Công ty được hưởng ưu đãi miễn giảm thuế như sau:

- Thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm;
- Thời gian miễn thuế 04 năm từ năm 2015-2018;
- Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo từ năm 2019-2027.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt	3.386.779.863	1.711.931.586
Tiền gửi ngân hàng	12.755.413.248	20.698.913.231
Các khoản tương đương tiền	-	1.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>16.142.193.111</b>	<b>23.510.844.817</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn điện lực Việt Nam	32.756.580.621	27.546.767.713
Các đối tượng khác	16.500.000	16.500.000
<b>Cộng</b>	<b>32.773.080.621</b>	<b>27.563.267.713</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	2.065.821.581
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	875.036.951
Các đối tượng khác	1.475.678.296	1.629.039.032
<b>Cộng</b>	<b>4.416.536.828</b>	<b>4.569.897.564</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)</b>	<b>2.065.821.581</b>	<b>2.065.821.581</b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương (i)	1.120.000.000	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân (ii)	11.500.000.000	8.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.620.000.000</b>	<b>9.120.000.000</b>
<b>Phải thu về cho vay là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)</b>	<b>12.620.000.000</b>	<b>9.120.000.000</b>

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương vay theo các hợp đồng vay vốn cụ thể. Thời hạn khoản cho vay là 03 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay được gia hạn đến ngày 30/06/2022 theo phụ lục hợp đồng số 04/PLHĐVV-TĐNB ngày 30/06/2021.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân vay theo các hợp đồng cụ thể sau:

Hợp đồng cho vay số 12/2019/HĐVV-ĐTAX ngày 15/08/2019. Tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 10.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 30 ngày kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân. Lãi suất cho vay là 7%/năm. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Khoản vay được gia hạn đến ngày 30/06/2021 theo Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐVV – ĐTAX ngày 30/12/2019.

Hợp đồng cho vay ngày 14/01/2021 với tổng số tiền cho vay là 12.000.000.000 đồng. Lãi suất là 7%/năm. Thời hạn cho vay là 90 ngày kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Mục đích khoản vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân. Khoản cho vay không có tài sản đảm bảo. Khoản cho vay được thông qua tại Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 04/NQ-SP2-HĐQT ngày 14/01/2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**5. Phải thu khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tạm ứng	258.400.012	179.014.793
Lỗ thanh lý dự án Nậm Cùn chờ xử lý (*)	14.654.688.095	14.654.688.095
Các khoản phải thu khác	6.684.531.518	4.258.049.097
<b>Cộng</b>	<b>21.597.619.625</b>	<b>19.091.751.985</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	49.815.000	49.815.000
<b>Cộng</b>	<b>49.815.000</b>	<b>49.815.000</b>
<b>c) Phải thu khác là bên liên quan</b> (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)	<b>1.707.805.554</b>	<b>1.008.680.554</b>

(\*) Ngày 29/10/2014, Ủy ban Nhân dân tỉnh Lào Cai có quyết định số 3130/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận đầu tư số 1212100107 đã cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên (nay là Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2) về việc thực hiện dự án Nậm Cùn.

Để thu hồi chi phí đã đầu tư trước đó, Công ty ký hợp đồng xử lý tài sản số 31/HĐXLTS/2015 ngày 11/02/2015 với Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299 (chủ đầu tư mới của dự án Thủy điện Nậm Cùn) với giá trị hợp đồng là 42.974.014.000 đồng. Tổng chi phí đầu tư thực tế của Công ty đến thời điểm xử lý dự án là 57.628.702.095 đồng. Theo đó, lỗ từ việc thanh lý dự án là 14.654.688.095 đồng. Công ty đã bàn giao đầy đủ hồ sơ tài liệu của dự án cho Công ty CP Xây dựng và Thương mại 299. Theo ý kiến của Tổng Công ty Sông Đà (cổ đông sở hữu 38,08% vốn điều lệ) tại Công văn số 887/TCT-TCKT ngày 06/06/2017, chi phí bỏ ra để thực hiện dự án Nậm Cùn và việc thanh lý dự án này của Công ty là chưa đảm bảo đủ cơ sở pháp lý để ghi nhận nghiệp vụ kinh tế phát sinh này vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty. Theo đó, Công ty chưa ghi nhận khoản lỗ từ thanh lý dự án vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	46.502.500	-	46.502.500	-
<b>Cộng</b>	<b>46.502.500</b>	<b>-</b>	<b>46.502.500</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Chi phí trả trước**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm	396.448.634	136.237.970
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.330.001	14.782.165
Chi phí phân bổ khác	985.352	2.733.122
<b>Cộng</b>	<u><u>401.763.987</u></u>	<u><u>153.753.257</u></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa	10.835.874.494	7.543.504.730
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	644.481.137	738.697.955
Chi phí trả trước khác	867.824.320	1.160.930.560
<b>Cộng</b>	<u><u>12.348.179.951</u></u>	<u><u>9.443.133.245</u></u>

**8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Trái phiếu (*)	290.000.000	290.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>290.000.000</u></u>	<u><u>290.000.000</u></u>

- (\*) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là 29 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu Công ty nắm giữ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Thời hạn 10 năm. Ngày phát hành là 19/12/2018. Ngày đáo hạn là 19/12/2028. Lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1%/năm. Lãi trả định kỳ 1 năm 1 lần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2021		01/01/2021		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Dự án Nậm Cùn	14.654.688.095	-	14.654.688.095	14.654.688.095	14.654.688.095
Công ty TNHH Phú Đức	875.036.951	-	875.036.951	875.036.951	875.036.951
Ông Bùi Khắc Hoàng	825.000.000	-	825.000.000	825.000.000	825.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Phúc	331.284.942	-	331.284.942	331.284.942	331.284.942
Xí nghiệp điện cao thế Miền Bắc	311.500.000	-	311.500.000	311.500.000	311.500.000
Các đối tượng khác	681.928.154	154.750.000	527.178.154	681.928.154	527.178.154
<b>Cộng</b>	<b>17.679.438.142</b>	<b>154.750.000</b>	<b>17.524.688.142</b>	<b>17.679.438.142</b>	<b>17.524.688.142</b>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021		Số phải nộp trong kỳ		Số thực nộp bù trừ trong kỳ		30/06/2021	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.421.564.960	-	5.317.026.584	7.327.625.881	410.965.663			
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.942.249.177	6.220.292	225.462.606	1.220.519.699	947.192.084			
Thuế thu nhập cá nhân	-	3.292.725.584	24.835.106	29.354.840	1.700.558			
Thuế tài nguyên	-	-	5.115.532.734	5.949.513.711	2.458.744.607			
Thuế đất, tiền thuế đất	-	-	7.753.000	7.753.000	-			
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	4.279.024.116	-	2.402.370.032	5.089.483.596	1.591.910.552			
<b>Cộng</b>	<b>11.941.784.129</b>	<b>11.941.784.129</b>	<b>13.092.980.062</b>	<b>19.624.250.727</b>	<b>5.410.513.464</b>			

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Tiếp theo)**

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế.

(\*) Ngày 23/06/2017, Cục thuế tỉnh Lào Cai đã có Quyết định số 2883/QĐ-CT về việc truy thu thuế GTGT, phạt chậm nộp, phạt vi phạm hành chính liên quan tới Dự án thủy điện Nậm Cùn và các dự án khác của Công ty là 9.454.318.647 đồng. Công ty đã nộp và ghi nhận thuế GTGT truy thu, các khoản phạt thuế liên quan tới các dự án khác vào kết quả kinh doanh với số tiền 4.516.083.506 đồng (Năm 2018 là 3.202.975.070 đồng; năm 2019 là 1.313.108.436 đồng). Số thuế còn lại (4.938.235.141 đồng) chưa được phản ánh vào Báo cáo tài chính. Đây là thuế GTGT truy thu và các khoản phạt thuế của Dự án thủy điện Nậm Cùn mà Công ty cho rằng chưa phù hợp với quy định của Luật thuế hiện hành. Theo đó, Công ty đã có công văn gửi Bộ Tài chính và Tổng cục thuế về vấn đề này và kiến nghị Cục thuế tỉnh Lào Cai không truy thu khoản thuế này.

Bộ Tài chính và Tổng cục thuế đã có công văn trả lời Công ty về chính sách thuế GTGT liên quan đến Dự án thủy điện Nậm Cùn (Công văn số 9296/BTC-CST ngày 12/07/2017 và Công văn số 4816/TCCT-DNL ngày 18/10/2017). Tuy nhiên, do nội dung công văn của Bộ Tài chính và Tổng cục thuế chưa rõ ràng nên ngày 30/11/2017, Cục thuế tỉnh Lào Cai đã làm việc với Công ty và các bên thống nhất phương án xử lý như sau: Cục thuế tỉnh Lào Cai sẽ tiếp tục có báo cáo đề xuất không truy thu thuế GTGT đối với Dự án thủy điện Nậm Cùn theo nội dung công văn của Bộ Tài chính và xin ý kiến hướng dẫn chỉ đạo của Tổng cục thuế. Trong thời gian chờ ý kiến của Tổng cục thuế, Cục thuế tỉnh Lào Cai không thực hiện cưỡng chế nợ thuế đối với khoản thuế GTGT truy thu, tiền phạt và tiền chậm nộp thuế của Dự án thủy điện Nậm Cùn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	569.227.727.436	477.139.194.717	111.713.764.711	475.179.000	1.158.555.865.864
Mua trong kỳ	-	-	-	80.000.000	80.000.000
Tại ngày cuối kỳ	<b>569.227.727.436</b>	<b>477.139.194.717</b>	<b>111.713.764.711</b>	<b>555.179.000</b>	<b>1.158.635.865.864</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày đầu kỳ	205.537.413.115	198.365.568.808	45.116.101.135	307.160.022	449.326.243.080
Khấu hao trong kỳ	11.425.107.372	12.719.393.298	3.154.486.026	36.934.503	27.335.921.199
Tại ngày cuối kỳ	<b>216.962.520.487</b>	<b>211.084.962.106</b>	<b>48.270.587.161</b>	<b>344.094.525</b>	<b>476.662.164.279</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu kỳ	<b>363.690.314.321</b>	<b>278.773.625.909</b>	<b>66.597.663.576</b>	<b>168.018.978</b>	<b>709.229.622.784</b>
Tại ngày cuối kỳ	<b>352.265.206.949</b>	<b>266.054.232.611</b>	<b>63.443.177.550</b>	<b>211.084.475</b>	<b>681.973.701.585</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 677.353.219.833 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 704.232.679.905 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 475.216.147 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là 475.216.147 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND	Tỷ lệ biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	40,00%	4.000.000.000 (1.069.409.377)	40,00%	4.000.000.000 (1.069.409.377)
<b>Cộng</b>		<b>4.000.000.000</b> <b>(1.069.409.377)</b>		<b>4.000.000.000</b> <b>(1.069.409.377)</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà (SOMEKO)	33.625.310.422	33.625.310.422	44.325.310.422	44.325.310.422
Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.675.316.934	9.675.316.934	9.675.316.934	9.675.316.934
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	7.546.506.623	7.546.506.623	-	-
Các đối tượng khác	9.686.850.492	9.686.850.492	9.825.284.037	9.825.284.037
<b>Cộng</b>	<b>60.533.984.471</b>	<b>60.533.984.471</b>	<b>63.825.911.393</b>	<b>63.825.911.393</b>
<b>b) Phải trả người bán là bên liên quan</b> <b>(Chi tiết tại thuyết minh VIII.2)</b>	<b>48.752.569.410</b>	<b>48.752.569.410</b>	<b>59.452.569.410</b>	<b>59.452.569.410</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình Sử Pán 2	460.686.813	460.686.813
Chi phí vận hành đường dây	-	650.761.720
Trích trước chi phí phải trả chi phí xây dựng công trình Thủy điện Sử Pán 2 theo quyết toán	6.595.018.871	15.273.661.256
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	374.941.811.625	367.772.711.468
- Lãi vay phải trả ngân hàng	360.349.246.069	353.180.145.912
- Chi phí lãi thuê tài chính với Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh Hà Nội	14.592.565.556	14.592.565.556
Chi phí phải trả khác	204.656.545	123.909.120
<b>Cộng</b>	<b>382.202.173.854</b>	<b>384.281.730.377</b>

**15. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	951.374.206	1.902.748.414
<b>Cộng</b>	<b>951.374.206</b>	<b>1.902.748.414</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước hoạt động cho thuê đường dây	19.027.484.140	19.027.484.140
<b>Cộng</b>	<b>19.027.484.140</b>	<b>19.027.484.140</b>

**16. Phải trả khác**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	96.511.013	71.615.533
Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV (BIC)	5.500.000.000	5.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.053.393.905	1.011.995.505
<b>Cộng</b>	<b>7.649.904.918</b>	<b>6.583.611.038</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ủy thác của cán bộ nhân viên để đầu tư vào Công ty CP Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	1.250.000.000	1.250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.250.000.000</b>	<b>1.250.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**17. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngân hàng	33.043.867.794	33.043.867.794	-	33.043.867.794
Tổng Công ty Sông Đà (*)	33.043.867.794	33.043.867.794	-	33.043.867.794
+ Gốc vay	15.000.000.000	15.000.000.000	-	15.000.000.000
+ Lãi vay nhập gốc	18.043.867.794	18.043.867.794	-	18.043.867.794
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.043.867.794</b>	<b>33.043.867.794</b>		<b>33.043.867.794</b>
Các khoản vay với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số VIII.2)	33.043.867.794	33.043.867.794		33.043.867.794

(\*) Vay Tổng Công ty Sông Đà theo hợp đồng số 06/2011/HĐTĐ/ĐSD-SĐHL với số dư gốc vay là 15 tỷ đồng. Phần lãi vay phát sinh hàng năm của khoản vay này và phần lãi phát sinh từ khoản nợ phải trả người bán được Công ty nhập gốc nợ vay, lũy kế đến 01/01/2019 là 18.043.867.794 đồng. Từ năm 2019 đến thời điểm 30/06/2021, Công ty chưa ghi nhận khoản nợ lãi vay này do đang trong quá trình làm việc với Tổng Công ty Sông Đà về hợp đồng vay kể trên và các nghĩa vụ có liên quan.

**18. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	357.145.086.000	357.145.086.000	-	11.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	175.229.058.000	175.229.058.000	-	5.446.085.000
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	181.916.028.000	181.916.028.000	-	5.653.915.000
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>357.145.086.000</b>	<b>357.145.086.000</b>		<b>368.245.086.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**18. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tài trợ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (nay là Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam) cùng các văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2012/HĐ ngày 28/12/2012 và số 01/2013/HĐ ngày 17/05/2013. Tổng số tiền vay tới đây là 813.817.430.279 đồng, thời hạn vay là 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (thời gian ân hạn là 48 tháng). Tài sản thế chấp là toàn bộ tài sản hình thành từ dự án Thủy điện Sử Pán 2 (bao gồm tài sản hiện có và hình thành trong tương lai) cùng Quyền sử dụng đất tại dự án Thủy điện Sử Pán 2 của bên vay.

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	152.460.000.000	-	-	-	(2.521.700.000)	(288.650.458.157)	(138.712.158.157)	35.779.190.525	35.779.190.525	35.779.190.525
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	35.779.190.525	-	35.779.190.525	-	35.779.190.525
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	-	(241.725.621)	-	1.008.679.950	-	-	-	-	766.954.329
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	152.460.000.000	-	(241.725.621)	(241.725.621)	(1.513.020.050)	(252.871.267.632)	(102.166.013.303)	(252.871.267.632)	(102.166.013.303)	(102.166.013.303)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	1.642.604.178	-	1.642.604.178	-	1.642.604.178
Phí lưu ký cổ phiếu quỹ chưa tái phát hành thành công	-	-	(201.474)	-	-	-	-	-	-	(201.474)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	152.460.000.000	-	(241.927.095)	(241.927.095)	(1.513.020.050)	(251.228.663.454)	(100.523.610.599)	(251.228.663.454)	(100.523.610.599)	(100.523.610.599)

(\*) Khoản tái phát hành cổ phiếu quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 05/NQ-SP2-HĐQT ngày 24/02/2021 về việc phê duyệt phương án bán cổ phiếu quỹ của Công ty. Mục đích tái phát hành cổ phiếu quỹ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá bán theo giá của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu. Đại lý thực hiện giao dịch bán cổ phiếu quỹ là Công ty CP Chứng khoán FPT. Số lượng cổ phiếu quỹ sẽ thực hiện tái phát hành lại là 205.000 cổ phiếu.

Tính đến ngày 30/06/2021, Công ty đã thực hiện tái phát hành thành công 82.000 cổ phiếu quỹ với giá tái phát hành là 10.000 đồng/ cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SỬ PÁN 2**Thôn Hoàng Liên, Xã Bản Hồ, Thị xã Sa Pa,  
Tỉnh Lào Cai**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****19. Vốn chủ sở hữu****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tổng Công ty Sông Đà	58.060.000.000	58.060.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	34.586.800.000	34.586.800.000
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	26.890.500.000	26.890.500.000
Các cổ đông khác	32.922.700.000	32.922.700.000
<b>Cộng</b>	<b>152.460.000.000</b>	<b>152.460.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	30/06/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.246.000	15.246.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.246.000	15.246.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	123.000	123.000
- Cổ phiếu phổ thông	123.000	123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.123.000	15.123.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.123.000	15.123.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	63.410.046.716	91.003.018.967
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê đường dây	951.374.208	951.374.208
Doanh thu khác	589.439.764	-
<b>Cộng</b>	<b>64.950.860.688</b>	<b>91.954.393.175</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	VND	VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán	40.728.335.734	41.768.521.506
Giá vốn của dịch vụ cho thuê đường dây đã cung cấp	397.325.365	278.239.075
Giá vốn khác	670.209.469	-
<b>Cộng</b>	<b>41.795.870.568</b>	<b>42.046.760.581</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	751.433.075	401.657.095
<b>Cộng</b>	<b>751.433.075</b>	<b>401.657.095</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí lãi vay	18.334.100.157	23.120.700.712
<b>Cộng</b>	<b>18.334.100.157</b>	<b>23.120.700.712</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	12.938.118	31.924.920
Chi phí nhân công	2.448.123.439	1.918.831.803
Chi phí khấu hao TSCĐ	166.587.873	98.193.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	445.679.166	399.758.247
Chi phí bằng tiền khác	565.627.763	504.605.752
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	891.889.479
<b>Cộng</b>	<b>3.638.956.359</b>	<b>3.845.204.137</b>

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Tiền thuế bị truy thu, tiền phạt vi phạm hành chính	65.299.895	72.628.175
Các khoản khác	-	126.562.870
<b>Cộng</b>	<b>65.299.895</b>	<b>199.191.045</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.868.066.784</b>	<b>23.534.650.832</b>
- Lợi nhuận hoạt động bán điện thương phẩm	794.980.570	22.308.375.682
- Lợi nhuận hoạt động khác	1.073.086.214	1.226.275.150
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.660.616.562</b>	<b>(23.534.650.832)</b>
<b>Các khoản chi phí không được trừ</b>	<b>13.660.616.562</b>	<b>13.742.261.508</b>
- Hoạt động bán điện thương phẩm	13.595.316.667	13.669.633.333
- Hoạt động khác	65.299.895	72.628.175
<b>Lỗi kết chuyển</b>	-	<b>37.276.912.340</b>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.868.066.784</b>	-
- Hoạt động bán điện thương phẩm	14.390.297.237	-
- Hoạt động khác	1.138.386.109	-
<b>Thuế suất</b>		
- Hoạt động bán điện thương phẩm	5%	5%
- Hoạt động khác	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>947.192.084</b>	-
<b>Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2020 với hoạt động hưởng ưu đãi</b>	<b>(721.729.478)</b>	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>225.462.606</b>	-

Việc xác định thuế TNDN của Công ty căn cứ vào quy định hiện hành về thuế và thay đổi tùy theo từng thời kỳ. Việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**8. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.642.604.178</b>	<b>23.534.650.832</b>
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
<b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.642.604.178</b>	<b>23.534.650.832</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	15.123.000	15.076.368
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>109</b>	<b>1.561</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)****9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	221.171.148	583.371.775
Chi phí nhân công	4.717.938.131	4.515.661.187
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.335.921.199	27.199.017.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.044.418.435	4.621.695.619
Chi phí khác bằng tiền	8.115.378.014	8.080.329.396
Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	891.889.479
<b>Cộng</b>	<b>45.434.826.927</b>	<b>45.891.964.718</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 0 đồng.

**2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 11.100.000.000 đồng.

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC****1. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bán điện thương phẩm và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Sông Đà  
Công ty Cổ phần Sông Đà 9  
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên  
Công ty Cổ phần Sông Đà 10  
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà  
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà  
Công ty Cổ phần Sông Đà 12  
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân  
Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân  
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương

**Mối quan hệ**

Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Công ty liên kết  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Cổ đông lớn  
Cổ đông lớn  
Công ty có liên quan

**b. Các giao dịch với bên liên quan**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<b>30/06/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>2.065.821.581</b>	<b>2.065.821.581</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Sông Đà - Hoàng Liên	2.065.821.581	2.065.821.581
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>12.620.000.000</b>	<b>9.120.000.000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	11.500.000.000	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	1.120.000.000	1.120.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>1.707.805.554</b>	<b>1.008.680.554</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư An Xuân	1.582.486.111	918.555.555
Công ty Cổ phần Phát triển điện Đông Dương	125.319.443	90.124.999
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>48.752.569.410</b>	<b>59.452.569.410</b>
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	33.625.310.422	44.325.310.422
Xí nghiệp Sông Đà 10.4 - Công ty CP Sông Đà 10	9.675.316.934	9.675.316.934
Tổng Công ty Sông Đà	1.191.787.103	1.191.787.103
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.737.964.535	2.737.964.535
Công ty Cổ phần tư vấn Sông Đà	58.900.641	58.900.641
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.463.289.775	1.463.289.775
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>33.043.867.794</b>	<b>33.043.867.794</b>
Tổng Công ty Sông Đà	33.043.867.794	33.043.867.794



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ:

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Đoàn Hải Chiến - Chủ tịch HĐQT	36.000.000
Ông Khương Đức Dũng - Thành viên HĐQT	24.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hồng - Thành viên HĐQT	24.000.000
Ông Nguyễn Văn Hảo - Thành viên HĐQT	16.000.000
Ông Nguyễn Quang Luân - Thành viên HĐQT	8.000.000
Ông Đỗ Đức Mạnh - Thành viên HĐQT	24.000.000
Ông Đỗ Anh Thái - Trưởng Ban kiểm soát	24.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hồng - Tổng Giám đốc	218.230.000
Ông Phạm Sỹ Long - Phó Tổng Giám đốc	70.500.000
Ông Bùi Quế Lâm - Phó Tổng Giám đốc	156.046.364
Ông Khương Đức Dũng - Phó Tổng Giám đốc	106.596.487
Ông Trần Đức Thành - Phó Tổng Giám đốc	28.856.363
Ông Nguyễn Khả Lộc - Phó Tổng Giám đốc	24.180.000
Ông Phạm Văn Tuyền - Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000
Bà Hà Thị Hải Yến - Thành viên Ban kiểm soát	18.000.000
Ông Bùi Quang Chung - Thư ký	12.000.000
<b>Cộng</b>	<b>808.409.214</b>

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2021 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 đã được kiểm toán.

**Bùi Lan Hương**  
Người lập

Lào Cai, ngày 06 tháng 10 năm 2021

**Kim Văn Sỹ**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Xuân Hồng**  
Tổng Giám đốc